LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 11 đã thông qua Luật Phòng, chống ma túy, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (đã được sửa đổi, bổ sung); Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định hướng dẫn thi hành, gồm: (1) Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; (2) Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Nhằm giúp các hoà giải viên nắm vững quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy để áp dụng trong quá trình thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang biên soạn cuốn tài liệu "Tìm hiểu quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy", cung cấp cho các Tổ hoà giải trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình nghiên cứu, áp dụng, thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ về Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ số 501, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang; điện thoại 02073 814 482.

Xin trân trọng cảm ơn!

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

TÌM HIỂU
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

1. Giải thích từ ngữ về phòng, chống ma túy

Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 giải thích một số từ ngữ về phòng, chống ma túy như sau:

(1) Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành.

(2) Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

(3) Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

(4) Tiền chất là hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành.

(5) Thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất là thuốc thú y có chứa các chất gây nghiện, chất hướng thần và tiền chất.

(6) Cây có chứa chất ma túy là cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

(7) Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

(8) Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

(9) Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích khác.

(10) Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính.

(11) Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể là việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn nhằm xác định chất ma túy trong cơ thể thông qua mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc các mẫu vật khác của cơ thể người.

(12) Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

(13) Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này.

(14) Cơ sở cai nghiện ma túy là cơ sở được thành lập để thực hiện đầy đủ quy trình cai nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, bao gồm cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy

Điều 3 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định Nhà nước có các chính sách sau về phòng, chống ma túy:

(1) Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ma túy; kết hợp với phòng, chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

(2) Tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống ma túy; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy.

(3) Ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới và địa bàn phức tạp về ma túy.

(4) Cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, địa bàn hoạt động theo quy định của Chính phủ.

(5) Bảo vệ, hỗ trợ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy.

(6) Quản lý chặt chẽ người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy; khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

(7) Bảo đảm kinh phí cai nghiện ma túy bắt buộc; hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện, kinh phí quản lý sau cai nghiện ma túy.

(8) Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng, chống tái nghiện ma túy được miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

(9) Khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ cao trong phòng, chống ma túy.

(10) Khen thưởng cá nhân, tổ chức, cơ quan có thành tích trong phòng, chống ma túy.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống ma túy

Điều 5 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định nghiêm cấm các hành vi sau trong phòng, chống ma túy:

(1) Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.

(2) Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(3) Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(4) Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần trái quy định của pháp luật.

(5) Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

(6) Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

(7) Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

(8) Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

(9) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(10) Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

(11) Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

(12) Các hành vi bị nghiêm cấm khác do luật định liên quan đến ma túy.

II. TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

1. Trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy

Điều 6 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định cá nhân, gia đình có trách nhiệm sau trong phòng, chống ma túy:

(1) Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(2) Thực hiện đúng chỉ định của người có thẩm quyền về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(3) Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

(4) Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

2. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phòng, chống ma túy

Điều 7 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm sau trong phòng, chống ma túy:

(1) Tổ chức phòng, chống ma túy trong cơ quan, đơn vị; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân vi phạm pháp luật về phòng,

chống ma túy; tuyên truyền, vận động Nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy.

(2) Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy tại các vùng xóa bỏ cây có chứa chất ma túy.

3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong phòng, chống ma túy

Điều 8 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định cơ sở giáo dục có trách nhiệm sau trong phòng, chống ma túy:

(1) Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(2) Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

(3) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Trách nhiệm của cơ quan báo chí trong phòng, chống ma túy

Điều 9 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định cơ quan báo chí có trách nhiệm sau trong phòng, chống ma túy:

Cơ quan báo chí có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy.

5. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác trong phòng, chống ma túy

Điều 10 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác có trách nhiệm sau trong phòng, chống ma túy:

(1) Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy trong Nhân dân; vận động Nhân dân tham gia phòng, chống ma túy và thực hiện các phong trào phòng, chống ma túy.

(2) Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(3) Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, cơ quan có thẩm quyền vận động người nghiện ma túy thực hiện biện pháp cai nghiện ma túy, điều trị

nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; tham gia cảm hóa, giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

6. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy

Điều 11 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, như sau:

- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm:

+ Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân.

+ Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Hải quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan, tổ chức khác có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

- Trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết.

III. KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

1. Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Điều 12 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, như sau:

- Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, bao gồm:

+ Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất chất ma túy *(không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy)*, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây

nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

+ Vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

+ Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

- Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nêu trên được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất

Điều 13 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất như sau:

Hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy (không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy), tiền chất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất

Điều 14 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất như sau:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì được vận chuyển chất ma túy, tiền chất; khi thực hiện việc vận chuyển phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát trong quá trình vận chuyển và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc

Điều 15 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc như sau:

Việc kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thực hiện theo quy định của pháp luật về dược, trừ hoạt động sau: (1) Hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; (2) Hoạt động quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.

5. Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

Điều 16 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất như sau:

Việc kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc

Điều 17 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc như sau:

- Các hoạt động sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép:

+ Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất.

+ Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.

- Hoạt động quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

7. Kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

Điều 19 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh như sau:

Hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

8. Kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

Điều 20 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh như sau:

- Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam. Người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm khai báo với cơ quan Hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng, áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

9. Xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật

Điều 21 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm

thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật như sau:

Chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất bị thu giữ trong các vụ án hình sự, vụ việc vi phạm hành chính được xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

IV. QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

1. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

1.1. Đối tượng xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

Khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

- Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

- Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

1.2. Căn cứ xét nghiệm người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy

Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (sau đây viết tắt là Nghị định số 105/2021/NĐ-CP) quy định một người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Tin báo, tố giác của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh, làm rõ.

- Thông tin, tài liệu trong các vụ vi phạm pháp luật.

- Người có biểu hiện mất năng lực nhận thức hoặc kiểm soát hành vi nghi do sử dụng ma túy.

- Trên người, phương tiện, nơi ở của người đó có dấu vết của chất ma túy hoặc dụng cụ, phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người điều khiển phương tiện có biểu hiện sử dụng chất kích thích nghi là ma túy.

- Người có mặt tại các địa điểm có hành vi tổ chức, chứa chấp hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có lý do chính đáng.

- Người tự khai báo hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người bị phát hiện quả tang sử dụng trái phép chất ma túy.

- Những căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Người có trách nhiệm xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

Khoản 2 Điều 22 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể như sau:

Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tiến hành xét nghiệm chất ma túy theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp thuộc đối tượng xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể. Trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính thì gửi ngay kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có kết quả xét nghiệm dương tính cư trú, trừ trường hợp người đó đang cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

2.1. Khái niệm

Khoản 1 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính.

2.2. Đối tượng bị quản lý

Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định: Đối tượng bị quản lý là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà không thuộc các trường hợp sau.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

2.3. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Khoản 2 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý.

2.4. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Khoản 3 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định: Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

- Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

- Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

- Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

2.5. Thu thập thông tin, tài liệu để lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 40 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về thu thập thông tin, tài liệu để lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Khi có kết quả xét nghiệm là dương tính thì cơ quan Công an nơi phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm:

+ Thực hiện xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Gửi thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định để tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

- Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm các tài liệu sau đây:

+ Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Bản tóm tắt lý lịch người sử dụng trái phép chất ma túy; kết quả xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

+ Tài liệu, biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tài liệu về những lần sử dụng trái phép chất ma túy trước đây hoặc cai nghiện của người vi phạm (nếu có).

+ Bản tường trình của người sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Trường hợp người đó thuộc đối tượng xác định tình trạng nghiện ma túy thì phải có kết quả xác định tình trạng không nghiện ma túy của đối tượng.

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập tài liệu để lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

2.6. Xác minh nơi cư trú và gửi hồ sơ

Điều 41 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về xác minh nơi cư trú và gửi hồ sơ như sau:

- Trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tiêu chí xác định người có nơi cư trú ổn định:

+ Người có nơi cư trú ổn định là người hiện đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú.

+ Trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú thì nơi cư trú là nơi ở hiện tại của người đó; trường hợp không có địa điểm chỗ ở cụ thể thì nơi ở hiện tại được xác định là đơn vị hành chính cấp xã nơi người đó đang thực tế sinh sống và thời gian thường xuyên sinh sống từ 30 ngày trở lên, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã.

- Tiêu chí xác định người không có nơi cư trú ổn định:

+ Người có đăng ký thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú về việc người đó không sinh sống ở nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú và không biết người đó đang ở đâu.

+ Thành viên gia đình theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng không biết người đó hiện nay đang ở đâu, làm gì và cơ quan Công an tra cứu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, hệ thống tàng thư hồ sơ cư trú, tàng thư căn cước công dân cũng không xác định được người đó đang ở đâu.

+ Người không có cả nơi thường trú, tạm trú và thời gian sinh sống ở nơi ở hiện tại dưới 30 ngày.

- Việc xác minh nơi cư trú và trả lời xác minh về cư trú thực hiện theo quy định của pháp luật về cư trú và hướng dẫn của Bộ Công an.

- Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và gửi các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định.

- Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

2.7. Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định hoặc nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với người không có nơi cư trú ổn định ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cần nêu rõ:

+ Tóm tắt hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy trong cơ thể; kết quả xác định tình trạng nghiện là không nghiện (nếu có).

+ Phân công Công an cấp xã lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy quản lý tại địa phương và tổ chức thực hiện việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể trong thời hạn quản lý.

+ Phân công Tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy do cán bộ Công an cấp xã làm Tổ trưởng; đại diện thôn/tổ dân phố làm Tổ phó; đại diện gia đình của người sử dụng trái phép chất ma túy hoặc người uy tín trong dòng họ, đại diện tổ chức chính trị - xã hội (căn cứ vào nhân thân của người sử dụng trái phép chất ma túy) và nhân viên công tác xã hội (nếu có) làm tổ viên; phân công một thành viên Tổ quản lý trực tiếp thực hiện các nội dung tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy có hiệu lực từ ngày ký.

- Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được lưu tại hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy 01 bản, gửi cho người được quản lý 01 bản, gửi Công an cấp xã là tổ trưởng 01 bản, gửi 01 bản đến đại diện gia đình để tham gia quản lý.

2.8. Thời hạn quản lý và cách tính thời hạn quản lý

Điều 43 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về thời hạn quản lý và cách tính thời hạn quản lý như sau:

- Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định quản lý.

- Trong thời hạn quản lý, nếu người đang có quyết định quản lý bị phát hiện tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy mà không thuộc các trường hợp dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ra Quyết định quản lý mới, trong đó xác định lại thời hạn quản lý là 01 năm, kể từ ngày ra Quyết định quản lý mới.

- Trường hợp người đang trong thời hạn quản lý chuyển nơi cư trú thì thời hạn quản lý được tính tiếp từ ngày chuyển đi tới khi hết thời gian quản lý còn lại.

2.9. Nội dung quản lý

Điều 44 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về nội dung quản lý như sau:

- Mục đích quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

- Nội dung quản lý:

+ Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

+ Tư vấn về tâm lý, thay đổi thái độ của người sử dụng trái phép chất ma túy để họ có thái độ tích cực, chủ động tránh xa ma túy.

+ Giáo dục về pháp luật phòng, chống ma túy, tác hại của ma túy, các nội dung khác tùy theo đặc điểm nhân thân.

+ Động viên, giúp đỡ để người sử dụng trái phép chất ma túy tham gia các hoạt động cộng đồng, hoạt động tự quản, hoạt động thể dục, thể thao, các phong trào giúp ích cho xã hội để nâng cao sức khỏe, kỹ năng sống, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

- Đối với người sử dụng trái phép chất ma túy dưới 18 tuổi thì phải đảm bảo việc học văn hóa và những người được phân công tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ phải có sự tham gia của giáo viên nơi người đó đang học hoặc đội thiếu niên tiền phong, đoàn thanh niên.

2.10. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể trong thời hạn quản lý

Điều 45 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể trong thời hạn quản lý như sau:

- Công an cấp xã nơi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn thực hiện việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn quản lý.

- Việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được tiến hành đột xuất đối với người đang trong thời hạn quản lý khi Cơ quan Công an cấp xã có căn cứ quy định.

2.11. Quy định về việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

Điều 46 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định:

- Đối với người thuộc trường hợp phải xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì cơ quan, người có thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể mời người đó đến địa điểm xét nghiệm để thực hiện việc xét nghiệm.

Trường hợp người đó không hợp tác thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì Cơ quan Công an triệu tập người đó đến địa điểm xét nghiệm để

lấy mẫu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể. Người thuộc trường hợp phải xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể phải có mặt khi được Cơ quan Công an yêu cầu.

- Hình thức lấy mẫu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể là lấy máu, lấy nước tiểu, thông tiểu hoặc lấy các mẫu vật khác trên cơ thể.

- Các buồng chờ xét nghiệm và nơi lấy mẫu phải chia khu vực dành cho nam riêng, nữ riêng. Nơi không có buồng chờ riêng thì bố trí cho nam, nữ đứng riêng và nơi lấy mẫu phải có buồng nam, nữ riêng. Việc lấy mẫu nước tiểu phải có cán bộ cùng giới giám sát.

- Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm người dưới 18 tuổi phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp lấy mẫu nước tiểu.

2.12. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp chuyển đi khỏi nơi cư trú

Điều 47 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp chuyển đi khỏi nơi cư trú như sau:

- Ít nhất 01 lần trong tháng, Công an cấp xã nơi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy phải kiểm tra, cập nhật nơi cư trú của người đang trong thời hạn quản lý.

- Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi chuyển đến phối hợp với Công an cấp xã nơi đang quản lý để kiểm tra, xác minh thông tin. Sau khi xác minh, Công an cấp xã nơi đang quản lý thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang quản lý biết.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người đó chuyển đến nơi cư trú mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đi thông báo và chuyển hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến tiếp tục quản lý.

- Công an cấp xã có trách nhiệm thường xuyên cập nhật nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy vào cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.13. Dừng, chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Khoản 5 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và Điều 47 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định về dừng, chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang quản lý ra Quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau:

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý ra Quyết định chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp hết thời hạn quản lý mà không phát hiện người bị quản lý có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Quyết định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma tú

Điều 24 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho công an cấp xã nơi cư trú.

- Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 25 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:

+ Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho công an cấp xã nơi người đó cư trú.

+ Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

+ Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

- Cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây:

+ Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

5. Lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 26 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương.

- Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và tiếp tục quản lý.

- Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây:

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy không có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp dừng quản lý.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

V. CAI NGHIỆN MA TÚY

1. Xác định tình trạng nghiện ma túy

Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy như sau:

1.1. Trường hợp xác định tình trạng nghiện ma túy

Xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

- Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định.

- Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy.

1.2. Trách nhiệm xác định tình trạng nghiện ma túy

- Công an cấp xã nơi phát hiện người thuộc các trường nêu trên, trừ trường hợp tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Trường hợp công an cấp huyện, công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà phát hiện trường hợp nêu trên thì cơ quan công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Khi có kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy, cơ sở y tế có trách nhiệm gửi ngay kết quả đến cơ quan đề nghị, người được xác định tình trạng nghiện ma túy.

1.3. Quyền và trách nhiệm của người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy

Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy có quyền và trách nhiệm sau đây:

- Được bảo đảm danh dự, nhân phẩm; hỗ trợ đi lại, ăn ở, điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo trong thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy; khai báo trung thực với nhân viên y tế về tiền sử sử dụng ma túy, các biểu hiện của việc sử dụng ma túy.

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi nhận được kết quả xác định là nghiện ma túy có trách nhiệm đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trong trường hợp nghiện các chất dạng thuốc phiện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

2. Các biện pháp cai nghiện ma túy

Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về các biện pháp cai nghiện ma túy như sau:

- Biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

+ Cai nghiện ma túy tự nguyện.

+ Cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

3. Quy trình cai nghiện ma túy

3.1. Các giai đoạn của quy trình cai nghiện ma túy

Khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định quy trình cai nghiện ma túy bao gồm các giai đoạn sau đây:

(1) Tiếp nhận, phân loại;

(2) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;

(3) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách;

(4) Lao động trị liệu, học nghề;

(5) Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.

3.2. Tiếp nhận, phân loại

Điều 22 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (sau đây viết tắt là Nghị định số 116/2021/NĐ-CP) quy định việc tiếp nhận, phân loại gồm các hoạt động sau:

- Thực hiện các thủ tục tiếp nhận người cai nghiện theo nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Thu thập thông tin cá nhân của người nghiện ma túy để tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện, gồm: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, loại ma túy sử dụng, mức độ sử dụng, trình độ học vấn, nghề nghiệp và các vấn đề khác về bản thân, gia đình người nghiện ma túy.

- Thông tin về phương pháp cai nghiện, chương trình cai nghiện; tư vấn, giải đáp các thắc mắc cho người nghiện ma túy.

- Phân loại đối tượng và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy.

3.2. Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác

Điều 23 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định việc điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác gồm các hoạt động sau:

- Khám, xây dựng bệnh án đối với người cai nghiện; chú ý các dấu hiệu rối loạn tâm thần, bệnh cơ hội.

- Xác định loại ma túy, liều lượng ma túy người nghiện sử dụng để xây dựng phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tư vấn tâm lý đối với người nghiện trước khi điều trị cắt cơn, giải độc.

- Thực hiện phác đồ điều trị theo các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Kết hợp sử dụng thuốc với các biện pháp tâm lý và các biện pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng; kết hợp điều trị cắt cơn, giải độc với điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh cơ hội khác.

3.3. Giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách

Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định việc giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách gồm các hoạt động sau:

- Tổ chức dạy văn hóa, học tập các chuyên đề: giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc và chuyên đề phù hợp khác với số lượng, trình độ học vấn người cai nghiện.

- Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện.

- Kết hợp việc học tập, trị liệu với việc tư vấn, khuyến khích người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở để tạo ý thức, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện.

3.4. Lao động trị liệu, học nghề

Điều 25 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về lao động trị liệu, học nghề như sau:

- Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao

động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện nhận thức được giá trị của lao động.

- Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, thời gian, nguyện vọng của người cai nghiện để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3.5. Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng

Điều 26 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định việc chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng gồm các hoạt động sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy.

- Xác định nơi cư trú của người cai nghiện để chuẩn bị thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người nghiện cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.

- Cung cấp thông tin về biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ hòa nhập của nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy; giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt đồng đẳng tại địa phương cho người cai nghiện ma túy.

- Phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người cai nghiện ma túy.

- Hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng. Kế hoạch cần xác định mục tiêu, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy, hoàn cảnh thực tế, sự hỗ trợ của các nguồn lực, năng lực bản thân người cai nghiện ma túy, chọn việc làm phù hợp với sức khỏe và kỹ năng lao động của bản thân.

4. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

4.1. Quy định chung về cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Điều 30 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

- Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối

hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có trách nhiệm sau đây:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

+ Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

+ Tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Hướng dẫn, quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

+ Giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền trên địa bàn cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Tiếp nhận đăng ký và công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Cơ sở cai nghiện ma túy, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp một hoặc nhiều hoạt động cai nghiện theo quy trình cai nghiện ma túy được cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và có trách nhiệm sau đây:

+ Tiếp nhận và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Thực hiện đúng quy trình chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành dịch vụ phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thì được đăng ký cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4.2. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Điều 28 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên (sau đây gọi tắt là người nghiện ma túy) phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Thủ tục, hồ sơ đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi người nghiện ma túy tham gia điều trị hoặc chấm dứt điều trị, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện đó đăng ký để quản lý hoặc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.

- Địa điểm cai nghiện tự nguyện:

+ Tại gia đình, cộng đồng.

+ Tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập hoặc cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện gồm:

+ 01 bản đăng ký cai nghiện tự nguyện.

+ 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền.

+ 01 bản phôtô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy.

- Trình tự thực hiện đăng ký cai nghiện tự nguyện:

+ Người nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ tại điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện của Ủy ban nhân dân cấp xã; xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân để đối chiếu.

+ Người tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, đối chiếu giấy tờ tùy thân và vào sổ đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, người tiếp nhận hướng dẫn người đăng ký hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện.

4.3. Tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện

Điều 29 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí địa điểm, nhân sự tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn việc đăng ký cai nghiện tự nguyện.

- Địa điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện phải có trang thiết bị cần thiết cho việc đón tiếp, lưu hồ sơ đăng ký.

4.4. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Điều 30 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế như sau:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện, đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thẩm định hồ sơ đăng ký cai nghiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

- Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế phải được gửi cho cá nhân, gia đình người cai nghiện, các đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

4.5. Thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Điều 31 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng như sau:

- Người cai nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy có trách nhiệm:

+ Thực hiện cai nghiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Phối hợp với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện tự nguyện hoàn thiện kế hoạch cai nghiện và thực hiện kế hoạch cai nghiện với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và trợ giúp của gia đình. Tuân thủ sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện kế hoạch cai nghiện ma túy của cá nhân.

+ Trả chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện tự nguyện cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ theo hợp đồng sử dụng dịch vụ.

- Gia đình và người đại diện hợp pháp của người cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm:

+ Quản lý, hỗ trợ, động viên người cai nghiện thực hiện kế hoạch cai nghiện.

+ Tạo điều kiện vật chất, tinh thần để người cai nghiện ma túy phục hồi sức khỏe, tâm lý; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em tham gia học tập (đối với người dưới 18 tuổi), học nghề, tạo việc làm, sinh kế giúp người cai nghiện hòa nhập cộng đồng, xã hội.

+ Trả chi phí cai nghiện theo hợp đồng sử dụng dịch cai nghiện (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm:

+ Thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ đối với người cai nghiện, gia đình người nghiện.

+ Tiếp nhận, tư vấn, hướng dẫn người cai nghiện xây dựng kế hoạch cai nghiện theo quy trình cai nghiện.

+ Thực hiện đúng quy định chuyên môn theo quy trình cai nghiện, chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ cung cấp.

+ Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ, hoàn thành dịch vụ.

4.6. Nội dung quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 32 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về nội dung quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm:

- Hướng dẫn thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

+ Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân về chính sách, pháp luật phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy; đối tượng, trình tự, thủ tục đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Rà soát, thống kê số người nghiện ma túy để xây dựng kế hoạch quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện; huy động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đội công tác xã hội tình nguyện, cá nhân tình nguyện trong địa bàn tham gia quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện.

+ Lập danh sách người cai nghiện tự nguyện; phân công cán bộ quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả đối với người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Niêm yết công khai tại điểm đăng ký cai nghiện danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. Yêu cầu các tổ chức cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện niêm yết công khai, minh bạch về các nội dung: loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ.

+ Tạo điều kiện để người cai nghiện ma túy tham gia các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trên địa bàn; ưu tiên các hoạt động tạo việc làm, tạo sinh kế cho người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Quản lý người đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thay đổi nơi cư trú:

+ Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thay đổi nơi cư trú phải thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đi chuyển hồ sơ của người cai nghiện tự nguyện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến để tiếp tục quản lý, hỗ trợ.

Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị tiếp tục quản lý, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quyết định cai nghiện tự nguyện.

- Cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

+ Khi kết thúc thời hạn cai nghiện tự nguyện, người được phân công theo dõi, quản lý người cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện tự nguyện và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, 01 bản gửi người cai nghiện ma túy, gia đình người cai nghiện ma túy (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi), 01 bản gửi Cơ quan công an cấp xã để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy.

4.7. Xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện

Điều 33 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Trưởng Công an cấp xã lập biên bản hành vi vi phạm để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau:

- Người nghiện ma túy không đăng ký cai nghiện tự nguyện.

- Người đã có quyết định cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng mà không thực hiện cai nghiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy.

- Người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian cai nghiện tự nguyện.

- Người nghiện ma túy không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị khi đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

4.8. Điều kiện đảm bảo cho việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chế độ hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện

Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về điều kiện đảm bảo cho việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chế độ hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện như sau:

- Căn cứ số lượng người cai nghiện tự nguyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công ít nhất 01 người để thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kinh phí lập, xét duyệt hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện; hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, người được giao quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chế độ hỗ trợ:

+ Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao tối đa là 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành.

+ Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn thì được nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện, mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành.

5. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

5.1. Quy định chung về cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 31 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

- Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn được hỗ trợ kinh phí.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

+ Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập mà có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

- Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người cai nghiện ma túy.

5.2. Thủ tục tiếp nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 35 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về thủ tục tiếp nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy như sau:

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên có nhu cầu cai nghiện ma túy được tiếp nhận cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

- Hồ sơ tiếp nhận cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện gồm:

+ 01 bản đăng ký tự nguyện cai nghiện.

+ 01 bản phôtô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người cai nghiện.

- Trình tự thực hiện:

+ Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ tại cơ sở cai nghiện ma túy; xuất trình bản chính một trong các loại giấy tờ tùy thân để đối chiếu.

+ Cơ sở cai nghiện ma túy tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, đối chiếu và tư vấn kế hoạch cai nghiện ma túy; thông tin về các dịch vụ cai nghiện ma túy hiện có tại cơ sở, mức chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy của cơ sở, các khoản chi phí, đóng góp khác và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện (nếu có).

+ Người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và đại diện cơ sở cai nghiện ma túy thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.

+ Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy phải được gửi: 01 bản cho người nghiện ma túy người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện theo quy định.

5.3. Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

Điều 36 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện như sau:

- Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy gồm các nội dung chính sau:

+ Chủ thể của hợp đồng: tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy với người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

+ Đối tượng của hợp đồng (loại dịch vụ, hình thức cung cấp dịch vụ, thời gian, địa điểm sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy ...).

+ Mức giá sử dụng dịch vụ, hình thức.

+ Quyền, nghĩa vụ của cơ sở cai nghiện, của người cai nghiện trong việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện.

+ Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; các trường hợp bồi thường thiệt hại, giảm chi phí sử dụng dịch vụ; các trường hợp đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc tiếp tục hợp đồng dịch vụ.

+ Thời điểm có hiệu lực, chấm dứt hợp đồng.

- Hình thức hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy theo mẫu quy định.

5.4. Thực hiện hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy

Điều 37 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về thực hiện hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy như sau:

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có trách nhiệm:

+ Bảo đảm người cai nghiện ma túy có mặt tại cơ sở cai nghiện ma túy trong toàn bộ thời gian sử dụng dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

+ Tuân thủ các nội quy, quy chế và các hướng dẫn, quy định nghiệp vụ của cơ sở cai nghiện ma túy.

+ Trả chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy theo hợp đồng.

- Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm:

+ Tiếp nhận, phân loại, tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện theo quy trình cai nghiện. Tổ chức cai nghiện, cung cấp dịch vụ cai nghiện theo hợp đồng đã ký.

+ Thực hiện đúng các quy định về chuyên môn nghiệp vụ, chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ cung cấp.

+ Thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ.

5.5. Kết thúc hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy

Điều 38 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

- Trước khi kết thúc thời gian cung cấp dịch vụ cai nghiện theo hợp đồng, cơ sở cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện ma túy; phối hợp với người cai nghiện hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi để làm các thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Giám đốc (hoặc người đứng đầu) cơ sở cai nghiện ma túy cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người nghiện ma túy.

Giấy xác nhận phải gửi cho người nghiện ma túy, cha, mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Đối với người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thông báo, bàn giao người cai nghiện ma túy cho cha, mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp.

5.6. Chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy như sau:

- Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: (1) Thương binh; (2) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; (3) Người thuộc hộ nghèo; (4) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; (5) Trẻ em mồ côi; (6) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

+ Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ nêu trên.

+ Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

**** Thực hiện quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:***

(1) Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính:

- Người cai nghiện ma túy bắt buộc

+ Hỗ trợ tiền ăn bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

+ Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ) của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

+ Hỗ trợ tối đa 300.000 đồng để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm 01 bộ quần áo cấp cho người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú.

- Người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ tiền ăn, ở, sinh hoạt như đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.

(2) Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh:

- Hỗ trợ tiền ăn; tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ) bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC và tiền thuốc chữa bệnh thông thường được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC cho các đối tượng sau: Thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao

động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

(3) Hỗ trợ chỗ ở. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

(4) Hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã

Hỗ trợ người được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy bằng 0,2 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng, số lượng người được hỗ trợ cụ thể:

+ Đối với xã, phường, thị trấn có từ 01 đến dưới 50 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy được hỗ trợ 01 người.

+ Đối với xã, phường, thị trấn có từ 50 đến dưới 100 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy được hỗ trợ 02 người.

+ Đối với xã, phường, thị trấn có từ 100 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy trở lên được hỗ trợ 03 người.

6. Cai nghiện ma túy bắt buộc

6.1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

- Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

6.2. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 40 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

6.3. Thành phần hồ sơ đề nghị

Điều 41 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

- 01 bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

- 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền.

- 01 bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc làm văn bản đề nghị kèm theo các tài liệu có liên quan.

Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định có thêm băn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan Công an có thẩm quyền.

6.4. Thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị

Điều 42 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

- Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, kèm 01 bản sao bộ hồ sơ gửi cho người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

- Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm các nội dung cơ bản sau đây:

+ Họ và tên người vi phạm.

+ Lý do lập hồ sơ đề nghị.

+ Quyền của người được thông báo.

+ Thời gian đọc hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ

+ Công an cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đề nghị.

+ Hồ sơ đề nghị phải đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6.5. Trình tự xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 43 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của cơ quan lập hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đối chiếu thành phần hồ sơ đề nghị.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

+ Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân cùng cấp. Văn bản nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành.

+ Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hồ sơ đề nghị phải được đánh bút lục và lập thành 02 bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

7.1. Quy định chung về cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 33 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện.

+ Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm sau đây:

+ Tuân thủ các quy định về cai nghiện ma túy bắt buộc, nội quy, quy chế và chịu sự quản lý, giáo dục, điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Tham gia các hoạt động điều trị, chữa bệnh, giáo dục, tư vấn, học văn hóa, học nghề, lao động trị liệu và các hoạt động phục hồi hành vi, nhân cách.

- Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

- Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính.

7.2. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 34 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi như sau:

- Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Trường hợp người nghiện ma túy do công an cấp huyện hoặc công an cấp tỉnh phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

+ Hồ sơ đề nghị bao gồm biên bản vi phạm, bản tóm tắt lý lịch, tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó, bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp.

Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Cơ quan, người lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi ý kiến về việc lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan, người đã lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan, người đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

+ Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trong nội dung văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải nêu ý kiến về bảo vệ quyền trẻ em.

- Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7.3. Thành phần hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 51 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi gồm:

- 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

- 01 bản lý lịch tóm tắt của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền.

- 01 bản tường trình của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc bản tường trình của người đại diện hợp pháp của họ.

- 01 bản ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp.

Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không có nơi cư trú ổn định có thêm văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan Công an có thẩm quyền. Đối với người nghiện ma túy người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật có thêm các tài liệu liên quan khác (nếu có).

7.4. Trình tự xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 53 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi gồm:

- Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi gửi Tòa án nhân dân cấp huyện. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành; điều kiện, hoàn cảnh gia đình, thân nhân của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, đề xuất phương án quản lý đối với từng trường hợp cụ thể để bảo đảm các quyền của trẻ em trong thời gian cai nghiện ma túy.

- Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hồ sơ đề nghị phải được đánh bút lục và lập thành 02 bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

8.1. Đưa người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 54 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về đưa người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quyết

định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp người nghiện ma túy không chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa người phải chấp hành đến cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn quy định thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ sở cai nghiện không còn khả năng tiếp nhận đối tượng thì thời hạn được phép kéo dài không quá 03 tháng. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định biết và nêu rõ lý do.

8.2. Thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 55 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự để thực hiện việc tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Khi tiếp nhận, cơ sở phải kiểm tra, đối chiếu người với hồ sơ tiếp nhận, giấy tờ tùy thân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; kiểm tra sơ bộ tình trạng sức khỏe và lập biên bản giao, nhận giữa cơ quan Công an cấp huyện và cơ sở cai nghiện bắt buộc. Biên bản giao, nhận ghi rõ tình trạng sức khỏe; số lượng tài liệu, hồ sơ; tư trang, đồ dùng cá nhân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hồ sơ tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm:

+ Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi của Tòa án nhân dân cấp huyện.

+ Bản sao lý lịch tóm tắt của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan lập hồ sơ cung cấp.

- Đối với người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cơ sở phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự tiếp nhận phù hợp độ tuổi, giới tính của trẻ em.

8.3. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn

Điều 56 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn như sau:

- Người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng.

- Người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại cơ sở.

- Trường hợp tìm được người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn nhưng không tự nguyện chấp hành việc trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an cấp huyện áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm tiếp tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

8.4. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 57 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

+ Đang ốm nặng, có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

+ Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận trên cơ sở ý kiến đề nghị của Công an cấp xã.

- Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành. Công an cấp xã có trách nhiệm thu thập thông tin, tài liệu để xác định thời điểm các điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn.

- Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

+ Mắc bệnh hiểm nghèo có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

+ Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó tự nguyện cai nghiện, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không nghiện ma túy.

+ Phụ nữ đang mang thai có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

- Hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định gồm:

+ Đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định của người phải chấp hành hoặc cha, mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, có xác nhận của cơ quan lập hồ sơ.

+ Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hoãn, miễn chấp hành quyết định.

- Thủ tục đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định:

+ Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện của Tòa án nhân dân cấp huyện, người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chấp hành quyết định gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hoãn, miễn theo quy định đến Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xem xét, giải quyết theo quy định.

+ Người phải chấp hành quyết định hoặc cha, mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp phải gửi 01 bộ bản sao hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định cho cơ quan Công an cấp huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

8.5. Đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 58 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Điều kiện giảm thời hạn cai nghiện bắt buộc:

+ Giảm thời hạn từ 01 đến 03 tháng đối với người đã chấp hành một nửa thời gian cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, có ít nhất 03 tháng gần nhất được xếp loại từ khá trở lên quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở.

+ Giảm thời hạn từ 03 đến 06 tháng đối với người đã chấp hành một nửa thời gian cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, lập công, có ít nhất 03 tháng

gần nhất được xếp loại từ khá trở lên theo quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở.

- Điều kiện tạm đình chỉ thi hành quyết định:

Người ốm nặng phải điều trị nội trú hơn 10 ngày tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên. Trường hợp người ốm nặng sau khi sức khỏe phục hồi mà thời hạn chấp hành quyết định còn từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành.

- Điều kiện miễn chấp hành phần thời gian thi hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc:

+ Người trong thời gian tạm đình chỉ thi hành quyết định nếu người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công.

+ Người mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị lâu dài từ 06 tháng trở lên.

+ Phụ nữ mang thai.

+ Người từ đủ 14 tuổi trở lên đang cai nghiện bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Danh sách người đang chấp hành được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

+ Các tài liệu chứng minh người người đang chấp hành quyết định thuộc đối tượng được giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trình tự thực hiện:

+ Định kỳ 03 tháng hoặc khi có đối tượng thuộc trường hợp tạm đình chỉ thi hành quyết định, miễn chấp hành phần thời gian thi hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ, danh sách đối tượng đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Hồ sơ đề nghị, danh sách đối tượng được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

phải được niêm yết, thông báo công khai đối với toàn thể người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ít nhất 05 ngày làm việc.

+ Sau thời hạn niêm yết, thông báo công khai, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi 01 bộ hồ sơ tới Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để xem xét, giải quyết.

8.6. Tạm thời đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

Điều 59 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về tạm thời đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự như sau:

- Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết và đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó.

Yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải thể hiện bằng văn bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc trước khi đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở. Văn bản yêu cầu phải có các nội dung sau: họ tên người cai nghiện, lý do và thời gian đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở.

- Cơ quan có yêu cầu đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu trách nhiệm đưa người cai nghiện đi và đưa người cai nghiện trở lại cơ sở đúng thời hạn đã ghi trong quyết định tạm đình chỉ đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở. Khi giao, nhận người cai nghiện phải lập biên bản theo quy định hiện hành.

- Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc về việc gia hạn.

8.7. Lập hồ sơ đưa vào cơ sở giáo dục đối với người bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vi phạm pháp luật tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 60 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về lập hồ sơ đưa vào cơ sở giáo dục đối với người bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vi phạm pháp luật tại cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Trong thời gian đang chấp hành quyết định, người cai nghiện có hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

- Thủ tục lập hồ sơ đề nghị đối với đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

8.8. Giải quyết trường hợp người cai nghiện chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 61 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về giải quyết trường hợp người cai nghiện chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Trong thời gian đang chấp hành quyết định, nếu người cai nghiện bị chết thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở, cơ quan y tế gần nhất và thân nhân người cai nghiện ma túy để lập biên bản xác nhận nguyên nhân chết. Việc lập biên bản phải có người cai nghiện làm chứng.

Trong trường hợp người cai nghiện chết không có thân nhân hoặc sau 24 giờ kể từ khi thông báo mà thân nhân của người cai nghiện chết không có mặt thì lập biên bản có sự chứng kiến của 02 người cai nghiện.

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo ngay cho thân nhân người cai nghiện chết biết để mai táng. Trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Kinh phí mai táng do Nhà nước bảo đảm; mức hỗ trợ chi phí mai táng tối thiểu bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

8.9. Hết thời hạn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về hết thời hạn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Chậm nhất là mười lăm ngày trước khi hết thời hạn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ, đại diện gia đình *(bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột)*, người đại diện theo pháp luật của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi biết ngày người cai nghiện hết thời hạn chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc.

- Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và gửi bản sao cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Phòng Lao động - Thương binh và Xã

hội, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú, đại diện gia đình *(bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột)*, người đại diện theo pháp luật của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định mà không có gia đình đến đón thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm đưa về bàn giao tại gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú.

- Người đã chấp hành xong quyết định được nhận lại tiền và đồ vật gửi lưu ký, các văn bằng, chứng chỉ học văn hóa, học nghề (nếu có); được cấp tiền tàu xe, tiền ăn đường và một bộ quần áo thường (nếu họ không có) và phải trả lại chiếu, chăn, màn và vật dụng, trang thiết bị dùng cho việc học tập, lao động, sinh hoạt đã được cơ sở cai nghiện bắt buộc cho mượn; nếu làm mất thì phải bồi thường.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày về địa phương, người đã chấp hành xong quyết định phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cùng cấp nơi mình cư trú.

8.10. Thủ tục chuyển người chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội

Điều 63 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về thủ tục chuyển người chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội như sau:

- Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, lập hồ sơ đề nghị đưa đối tượng vào cơ sở bảo trợ xã hội nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở đối với các đối tượng sau:

+ Người sau cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không rõ cha, mẹ, không có nơi nương tựa hoặc không xác định được nơi cư trú.

+ Người sau cai nghiện ốm yếu không có khả năng lao động, không xác định được nơi cư trú.

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị đưa người chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội.

9. Chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

9.1. Chế độ quản lý

Điều 64 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ quản lý như sau:

- Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi chung là người cai nghiện) phải cai nghiện, học tập, lao động và sinh hoạt dưới sự quản lý, giám sát của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Căn cứ vào quy mô của cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn chấp hành quyết định, đặc điểm nhân thân, tình trạng nghiện ma túy, tình trạng sức khỏe, giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn của người cai nghiện, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc sắp xếp vào đội, tổ phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý, cai nghiện. Mỗi đội, tổ phải có người của cơ sở cai nghiện trực tiếp phụ trách.

- Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở và tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Kết quả đánh giá người cai nghiện là cơ sở để xem xét, đề nghị giảm thời hạn, miễn thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc.

9.2. Chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân

Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân như sau:

- Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

- Các định mức nêu trên là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp.

9.3. Chế độ cai nghiện ma túy

Điều 66 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ cai nghiện ma túy như sau:

- Người cai nghiện được cai nghiện, phục hồi, trị liệu về tâm lý, sức khỏe theo quy trình, các dịch vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức.

- Căn cứ quy trình cai nghiện và điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự hiện có của cơ sở cai nghiện, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện, các dịch vụ hỗ trợ cai nghiện theo quy định.

9.4. Chế độ khám, chữa bệnh

Điều 67 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ khám, chữa bệnh như sau:

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải định kỳ sáu tháng một lần tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho người cai nghiện và thường xuyên có biện pháp đề phòng dịch bệnh; phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm cho người cai nghiện.

- Người cai nghiện bị ốm được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện. Trường hợp người cai nghiện bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện thì được đưa đi bệnh viện hoặc đưa về gia đình để điều trị. Giám đốc cơ sở cai nghiện phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thông báo cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của người cai nghiện.

- Chi trả chi phí điều trị:

+ Trường hợp người cai nghiện được tạm đình chỉ thi hành quyết định đưa về gia đình điều trị, thì gia đình phải chi trả toàn bộ kinh phí khám, chữa bệnh.

+ Trường hợp người cai nghiện có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do bảo hiểm y tế chi trả theo quy định. Trường hợp người cai nghiện không có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán chi của cơ sở cai nghiện ma túy. Cơ sở cai nghiện bắt buộc trực tiếp thanh toán tiền viện phí cho bệnh viện nơi người cai nghiện được điều trị.

+ Trường hợp người cai nghiện bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn thì cơ sở cai nghiện phải tổ chức điều trị và làm thủ tục để thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

- Trong thời gian điều trị tại bệnh viện, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, không để người cai nghiện trốn hoặc vi phạm pháp luật. Thời gian điều trị bệnh của người cai nghiện được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Một ngày điều trị bệnh được tính bằng một ngày chấp hành quyết định.

9.5. Chế độ lao động, lao động trị liệu

Điều 68 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ lao động, lao động trị liệu như sau:

- Thời gian lao động, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy không quá 08 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần.

- Trường hợp cơ sở cai nghiện tổ chức lao động hoặc phối hợp với người sử dụng lao động để tổ chức lao động thì phải đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật lao động; người cai nghiện phải đăng ký với cơ sở cai nghiện và được hưởng thành quả của lao động theo quy định.

9.6. Chế độ thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà của người cai nghiện

Điều 69 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà của người cai nghiện như sau:

- Người cai nghiện được thăm gặp người thân tại phòng thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc, một tuần một lần, mỗi lần không quá 02 giờ và tối đa không quá 03 thân nhân. Trường hợp gặp lâu hơn phải được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đồng ý và tối đa không quá 04 giờ.

- Người cai nghiện có vợ hoặc chồng, được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, cho phép thăm gặp tại phòng riêng của cơ sở cai nghiện bắt buộc một lần trong tháng và tối đa không quá 48 giờ cho một lần gặp. Căn cứ quy mô và điều kiện, cơ sở cai nghiện xây dựng, tổ chức phòng riêng để học viên thăm gặp vợ hoặc chồng.

- Người cai nghiện được nhận và gửi thư, nhận tiền, quà (trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích, đồ vật và các loại văn hóa phẩm bị cấm). Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm kiểm tra thư và các loại quà trước khi trao cho người cai nghiện. Riêng tiền hoặc giấy tờ có giá, người cai nghiện phải gửi vào bộ phận lưu ký của cơ sở cai nghiện bắt buộc và được sử dụng theo quy chế của cơ sở cai nghiện.

9.7. Chế độ chịu tang

Điều 70 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ chịu tang như sau:

- Khi bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con chết thì người cai nghiện được phép về để chịu tang. Thời gian về chịu tang tối đa là 05 ngày, không bao gồm thời gian đi đường và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

- Trình tự thủ tục giải quyết chế độ chịu tang:

+ Gia đình người cai nghiện làm đơn đề nghị cho người cai nghiện về chịu tang, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: họ tên, số căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, nơi cư trú, mối quan

hệ với người cai nghiện, thời gian đề nghị cho người cai nghiện được về chịu tang và cam kết quản lý, giám sát không để người cai nghiện sử dụng ma túy trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong thời gian về chịu tang.

+ Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận đơn, Giám đốc cơ sở cai nghiện có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cho người cai nghiện về chịu tang.

Quyết định cho phép về chịu tang phải gồm các nội dung: họ tên, thời gian được về chịu tang; trách nhiệm của gia đình trong việc đón, đưa trả về cơ sở cai nghiện, quản lý người cai nghiện trong thời gian về chịu tang. Quyết định được gửi cho gia đình người cai nghiện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để phối hợp quản lý và lưu trong hồ sơ người cai nghiện.

- Gia đình người cai nghiện có trách nhiệm đón người cai nghiện về và bàn giao người cai nghiện lại cho cơ sở cai nghiện bắt buộc khi hết thời gian chịu tang, mọi chi phí đưa, đón người cai nghiện do gia đình người cai nghiện chi trả. Việc giao và nhận người cai nghiện giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với gia đình phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ của người cai nghiện.

- Cơ sở cai nghiện phải kiểm tra sức khỏe, tình trạng sử dụng ma túy khi tiếp nhận người cai nghiện. Trường hợp quá thời hạn được nghỉ chịu tang mà người cai nghiện không trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm theo quy định của pháp luật.

9.8. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

Điều 71 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ khen thưởng, kỷ luật như sau:

- Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng bằng một trong các hình thức sau:

+ Biểu dương khen thưởng.

+ Đề nghị giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

+ Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy chưa đến mức bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

+ Phê bình.

+ Cảnh cáo.

+ Đưa vào quản lý tại khu dành riêng đối với người có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.

- Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với người cai nghiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Chế độ đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

10.1. Chế độ quản lý; ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân; cai nghiện, hỗ trợ phục hồi; khám, chữa bệnh; thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà; chế độ chịu tang; khen thưởng, kỷ luật

Điều 72 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ quản lý; ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân; cai nghiện, hỗ trợ phục hồi; khám, chữa bệnh; thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà; chế độ chịu tang; khen thưởng, kỷ luật như sau:

- Các chế độ: quản lý; ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân; cai nghiện, hỗ trợ phục hồi; khám, chữa bệnh; thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà; chế độ chịu tang; khen thưởng, kỷ luật đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải xây dựng, tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ theo quy trình cai nghiện phù hợp với độ tuổi, sức khỏe của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

10.2. Chế độ học văn hóa

Điều 73 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ học văn hóa như sau:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được học văn hóa theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc học văn hóa đối với người chưa phổ cập giáo dục tiểu học là bắt buộc; đối với các bậc học khác thì tùy thuộc khả năng và điều kiện thực tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc để tổ chức dạy, học theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo tại địa phương tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp và cấp văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc giảng dạy và học tập tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.3. Chế độ lao động trị liệu

Điều 74 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ lao động trị liệu như sau:

- Người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia lao động trị liệu theo quy trình cai nghiện do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức, thì thời gian lao động trị liệu như sau:

+ Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi thì thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 20 giờ trong một tuần.

+ Đối với người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì thời gian lao động không quá 06 giờ trong một ngày và không quá 30 giờ trong một tuần.

- Khi tổ chức lao động trị liệu, cơ sở cai nghiện phải bố trí công việc, nơi làm việc cho người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định của Bộ Luật lao động và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

VI. QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ

1. Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

1.1. Đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

Khoản 1, 2 Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định:

- Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

- Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

1.2. Nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy

Khoản 3 Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm:

- Lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy.

- Theo dõi, phát hiện, ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

1.3. Hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy

Khoản 4 Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm:

- Hỗ trợ học văn hóa đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

1.4. Lập hồ sơ, thủ tục đề nghị quản lý sau cai nghiện ma túy

Điều 77 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về lập hồ sơ, thủ tục đề nghị quản lý sau cai nghiện ma túy như sau:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người nghiện ma túy trình báo về việc hoàn thành cai nghiện tự nguyện, hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm *(đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định)* lập hồ sơ, đưa vào danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy. Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

- Hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú gồm:

+ Văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

+ Bản lý lịch tóm tắt của người bị đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, kèm theo một trong các loại giấy tờ sau: giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện; giấy xác nhận hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; giấy xác nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1.5. Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

Điều 78 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú như sau:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

- Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng, năm ký quyết định; họ, tên, chức vụ của người ký quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị quản lý sau cai nghiện; thời hạn và nơi thi hành quyết định, cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định.

- Quyết định phải gửi cho người sau cai nghiện hoặc đại diện gia đình người sau cai nghiện, người đại diện theo pháp luật đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, Trưởng Công an cấp xã, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã.

1.6. Chế độ quản lý sau cai nghiện ma túy

Điều 79 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chế độ quản lý sau cai nghiện ma túy như sau:

- Quản lý cư trú đối với người sau cai nghiện ma túy:

+ Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

+ Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy khi vắng mặt tại nơi cư trú phải báo cáo với Công an cấp xã, nói rõ lý do vắng mặt, thời gian vắng mặt. Trường hợp không báo cáo thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

+ Khi người bị quản lý sau cai nghiện ma túy thay đổi nơi cư trú thì công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và phối hợp quản lý.

- Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy:

+ Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy.

+ Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được tư vấn, trợ giúp về tâm lý, các thủ tục pháp lý; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cư trú, cấp căn cước công dân, cấp phiếu lý lịch tư pháp; hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn, tổ chức học tập, dạy nghề, tìm kiếm, giới thiệu việc làm; tạo các điều kiện cần thiết khác giúp người sau cai nghiện ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện.

+ Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức xét nghiệm chất ma túy đối với người sau cai nghiện ma túy.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong quyết định; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với người sau cai nghiện có hành vi vi phạm pháp luật, sử dụng ma túy trái phép.

1.7. Chính sách hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy

Điều 80 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy như sau:

- Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tiếp tục đi học ở các bậc học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Người sau cai nghiện khi tham gia đào tạo nghề nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định của pháp luật về đào tạo nghề ngắn hạn.

- Người sau cai nghiện được vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, được ưu tiên đăng ký tham gia chính sách việc làm công theo quy định của pháp luật về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ của người sau cai nghiện; hướng dẫn, hỗ trợ người sau cai nghiện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị theo quy định của pháp luật.

1.8. Hết thời hạn quản lý sau cai nghiện

Điều 81 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định:

- Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và đưa người bị quản lý ra khỏi danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

2. Trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng

Điều 42 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng như sau:

- Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

+ Hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

+ Phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

- Cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm sau đây:

+ Động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy.

+ Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

3. Lập danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy

Điều 43 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về lập danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy như sau:

- Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người nghiện ma túy và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy cư trú tại địa phương.

- Khi người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy thay đổi nơi cư trú thì công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và phối hợp quản lý.

- Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy đối với các trường hợp sau đây:

+ Trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy mà không phát hiện người đó sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy phải thi hành án phạt tù.

+ Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

+ Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy chết, bị Tòa án tuyên bố mất tích./.

NGƯỜI BIÊN SOẠN	NGƯỜI SỬA CHỮA BIÊN TẬP TỔNG THỂ	NGƯỜI THẨM ĐỊNH NHẬN XÉT, DUYỆT
Nguyễn Thị Nguyệt	Vũ Thị Minh Hiền	Nguyễn Thị Thược

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH TUYÊN QUANG